

CÁC NHÂN TỐ BÊN TRONG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC LÃNH THỔ KINH TẾ Ở TỈNH ĐỒNG NAI

NGUYỄN THỊ BÌNH*

TÓM TẮT

Đồng Nai là tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi, quy mô dân số lớn, trình độ tay nghề của người lao động ngày một được nâng cao, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hoàn thiện và hiện đại, chính sách phát triển kinh tế hợp lý. Đây là những nhân tố quan trọng, quyết định đến quá trình tổ chức lãnh thổ kinh tế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: tổ chức lãnh thổ kinh tế, nhân tố bên trong, phân hóa lãnh thổ.

ABSTRACT

Factors in their impact and process for economic organization territory in Dong Nai province

Dong Nai is a province with favorable natural conditions; large population size; the skill of workers on an improved; infrastructure and technical facilities become more complete and current university policy of reasonable economic development. These are important factors, determining the course of economic territory, to meet the needs of economic development - the local society and the country in the current context.

Keywords: territory organization; inner factors; differential territory.

1. Đặt vấn đề

Đồng Nai là một tỉnh có vị trí quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi tồn tại và phát triển nhiều hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế. Việc nghiên cứu các nhân tố tác động, đặc biệt là các nhân tố bên trong đối với quá trình tổ chức lãnh thổ kinh tế sẽ có ý nghĩa rất lớn về mặt thực tiễn, vì nó thực hiện nhiệm vụ kiểm kê, đánh giá khả năng khai thác cũng như thứ tự ưu tiên của từng nhân tố trong mối quan hệ so sánh lợi thế với những lãnh thổ lân cận, đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bài viết tập trung

phân tích các nhân tố tự nhiên và nhân tố kinh tế xã hội bên trong lãnh thổ và tác động của chúng tới quá trình tổ chức lãnh thổ kinh tế ở tỉnh Đồng Nai.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi lựa chọn thứ tự ưu tiên của từng nhân tố, gắn với vai trò của chúng trong mối quan hệ chặt chẽ giữa điều kiện sản xuất và nhu cầu sản xuất của lãnh thổ nghiên cứu.

2. Các nhân tố bên trong lãnh thổ ảnh hưởng đến quá trình tổ chức lãnh thổ kinh tế ở Đồng Nai

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

2.1. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ

Đồng Nai là một trong 8 tỉnh thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp tỉnh Bình Dương, phía Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM); tổng diện tích tự nhiên là 5.907,24km² (bằng 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ). [1]

Đồng Nai hiện có 11 đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh, gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và 9 huyện (Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom và Thống Nhất). Trong đó, thành phố Biên Hòa là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh.

Đồng Nai nằm ở trung tâm lãnh thổ của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi án ngữ cửa ngõ Đông Bắc đi vào TPHCM – một trung tâm kinh tế phát triển mạnh nhất của cả nước; giáp với Bà Rịa - Vũng Tàu – một tỉnh có thế mạnh và tiềm năng về ngành công nghiệp dầu khí... Đó là những cực phát triển đã ảnh hưởng tới sự phân hóa lãnh thổ kinh tế của tỉnh Đồng Nai.

Với vị trí của các tuyến giao lưu kinh tế liên vùng, tạo điều kiện thuận lợi để Đồng Nai tận dụng các thế mạnh về cơ sở hạ tầng, giao lưu kinh tế, văn hóa với các lãnh thổ trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, phục vụ cho việc phát triển một số hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế ngày một hợp lý hơn, nhằm mở rộng thị trường, đẩy mạnh thu

hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thực tế trong những năm qua, lợi thế này đã được tỉnh khai thác khá tốt và sẽ tiếp tục phát huy trong tương lai.

2.2. Các nhân tố kinh tế - xã hội

2.2.1. Chiến lược phát triển và nhu cầu khách quan tổ chức lãnh thổ kinh tế

Tỉnh Đồng Nai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2015 theo phương châm: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt quan tâm đối với kinh tế tập thể và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; chủ động tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng; khai thác và phát huy lợi thế, thế mạnh của các ngành, lĩnh vực; khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước.

Bên cạnh nhu cầu khách quan của việc phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế cho phù hợp với xu thế hiện nay thì còn có nhu cầu giải quyết việc làm cho người lao động. Đây là yếu tố động lực để phát triển các ngành công nghiệp thâm dụng lao động. Nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là xuất khẩu nông sản đã kích thích sự phát triển của các hợp tác xã nông nghiệp...

Chiến lược phát triển kinh tế và nhu cầu khách quan của xã hội đã trở thành nhân tố gốc, đồng thời định hướng cho các nhân tố khác phát huy vai trò của

chúng đối với sự phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.2.2. Chính sách phát triển kinh tế – xã hội

Nhằm thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh ngày càng vững mạnh, phát triển dựa vào tiềm năng vốn có của mình. Đồng Nai đã có nhiều chính sách và đường lối đúng đắn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của đất nước và điều kiện cụ thể của địa phương.

Đối với công nghiệp: Nhờ chủ động tổ chức thực hiện các giải pháp đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; xác định trọng điểm đầu tư đối với các doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước phát triển sản xuất công nghiệp; kịp thời định ra các ngành nghề phát triển trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở thành phố Biên Hòa và các thị trấn; khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống ở nông thôn, các dự án đầu tư vào các vùng miền núi,... các chính sách này đã trở thành nhân tố quyết định đến việc phát triển của khu công nghiệp, cụm công nghiệp và sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp của tỉnh.

Đối với nông nghiệp: Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và những văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến nông nghiệp đã có tác dụng thúc đẩy mở đường cho sự ra đời của trang trại ở Đồng Nai. Do có sự khác biệt trong giai đoạn tập thể hóa trước đây, phần lớn ruộng đất của nông dân Đồng Nai không bị tập thể hóa thành tài sản chung của tập đoàn, hợp tác xã nên việc chuyển từ nông

hộ sang trang trại diễn ra khá thuận lợi. Đây cũng là một tiền đề quan trọng mang tính đặc thù của tỉnh, góp phần mở rộng quy mô của các trang trại ở Đồng Nai.

Cùng với sự ra đời của trang trại là các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đưa đến sự ra đời của hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên canh góp phần thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp của tỉnh.

Đối với ngành dịch vụ (trong đó có hoạt động du lịch): UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực du lịch. Theo đó, các doanh nghiệp đầu tư du lịch trên địa bàn tỉnh sẽ được hưởng những ưu đãi về thuế đất, thuế doanh nghiệp, hỗ trợ kết cấu hạ tầng và giải phóng mặt bằng. Mức ưu đãi nhiều hay ít phụ thuộc vào địa bàn khu vực mà doanh nghiệp đầu tư. Ngoài ra tỉnh còn thực hiện một số chính sách khác như: đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú phục vụ mục đích du lịch... đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các điểm du lịch hoạt động được tốt hơn, nâng cao doanh thu và đóng góp vào GDP cho tỉnh.

2.2.3. Dân cư, nguồn lao động và các giá trị văn hóa

Dân số toàn tỉnh tính đến năm 2010 là 2.559.673 người [1] (đứng thứ 5 trong số 63 tỉnh thành trong cả nước), trong đó thành thị là: 855.703 người, chiếm 34,6% dân số toàn tỉnh. Đây là nhân tố tạo động lực cho việc phát triển một số hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế, đáp ứng nhu cầu về nguồn lao động và thị trường tiêu thụ tiềm năng.

Cư dân có nguồn gốc từ nhiều tỉnh thành trong cả nước, có nhiều dân tộc sinh sống, phần lớn là người Việt. Ngoài ra còn có người Hoa, Stiêng, Chăm, Mạ... Đồng Nai có truyền thống văn hóa dân gian khá phong phú, đặc biệt là văn hóa dân tộc của đồng bào ít người; là quê hương của một số nhạc cụ dân gian độc đáo như đàn đá Bình Đa, sáo trúc, chiêng đồng, thanh la, khèn bầu, khèn môi. Ngoài ra, lối hát Tam Pót của dân tộc Mạ - một loại hình hát kể có vần điệu được lưu truyền trong cộng đồng người Mạ ở huyện Định Quán hiện đang được khôi phục lại.

Tôn giáo chủ yếu là Phật giáo và Công giáo, ngoài ra một số ít người theo đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo. Đồng Nai nổi tiếng với nghề thủ công truyền thống như làng gốm Tân Vạn (ven sông Đồng Nai) của người Việt, nghề đục đá tinh xảo của người Hoa (sống gần hồ Long Ẩn). Tất cả đã tạo nên sự đa dạng của bản sắc văn hóa, góp phần hình thành các đặc trưng về văn hóa tinh thần góp phần tạo nên sự đa dạng về tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh.

Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao (tỉ lệ lao động đào tạo nghề từ 30% năm 2005 nâng lên thành 42,6% năm 2010) [6]. Ngoài nhân lực được đào tạo ở địa phương còn được bổ sung từ các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt là TPHCM (là đô thị có nguồn nhân lực lớn nhất nước, với khoảng 4,7 triệu người trong độ tuổi lao động, tổng số người có việc làm khoảng 3,2 triệu. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao trên địa

bàn chiếm tới 30% so với cả nước. Số lao động đã qua đào tạo tăng từ 40% năm 2005 lên 55% năm 2010). Đây là lực lượng quan trọng có vai trò quyết định, đảm bảo sự thành công của các hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế.

2.2.4. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

Mạng lưới giao thông của tỉnh gồm: đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường thủy... Trong những năm gần đây đã có bước tiến nhanh trong việc đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông, nhất là giao thông đường bộ. Hệ thống quốc lộ qua tỉnh với tổng chiều dài 244,5km đã được nâng cấp mở rộng thành tiêu chuẩn đường cấp I, II đồng bằng (QL1A, QL51), cấp III đồng bằng như QL 20 (đoạn qua tỉnh 75km), QL56. Riêng quốc lộ 1A đã hoàn thành nâng cấp toàn bộ 102km đi qua tỉnh, đã và đang hoạt động có hiệu quả. Quốc lộ 51 đã hoàn thành đoạn tránh một chiều qua thị trấn Long Thành, đạt tiêu chuẩn cấp I đồng bằng. Hệ thống đường bộ nội tỉnh có chiều dài 3339km, trong đó gần 700km đường nhựa. Đường tỉnh lộ có 22 tuyến với chiều dài 336 km, 139 tuyến huyện lộ cùng với hệ thống đường do xã quản lý, trong các nông lâm trường, trong các khu công nghiệp tạo nên một mạng lưới liên hoàn tương đối đồng bộ.

Hệ thống cảng biển, cảng sông đã được quy hoạch và xây dựng tương đối nhanh, gồm hệ thống cảng Long Bình Tân (sông Đồng Nai), cảng Gò Dầu A, B (sông Thị Vải). Đường sắt quốc gia đi qua tỉnh dài 87km với 12 ga: Gia Huỳnh, Trảng Táo, Gia Ray, Bảo Chánh, Xuân

Lộc, An Lộc, Dầu Giây, Bàu Cá, Trảng Bom, Long Lạc, Hồ Nai và Biên Hòa, là huyết mạch giao thông quan trọng nối TPHCM và các tỉnh phía Bắc.

Hệ thống giao thông không ngừng được hoàn thiện là nhân tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và hoạt động du lịch hiện tại và tương lai. Hệ thống giao thông đường bộ tập trung chủ yếu ở thành phố Biên Hòa và các huyện phía Tây Nam của tỉnh tạo nên sự phân hóa lãnh thổ kinh tế theo các tuyến chạy dọc các quốc lộ chính như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và quốc lộ 20.

Hoạt động bưu chính viễn thông đang từng bước hiện đại hóa trang thiết bị ngang tầm với trình độ của các nước trong khu vực, đảm bảo phục vụ kịp thời cho toàn bộ hoạt động kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng. Với nguồn vốn của ngành bưu điện, Đồng Nai đã đầu tư gần 444 tỉ đồng để lắp đặt trang thiết bị mới, sửa chữa nâng cấp, nhằm tăng thêm quy mô năng lực hoạt động của dịch vụ bưu chính viễn thông, tính đến năm 2010 đã lắp đặt được 82 bưu cục đưa vào sử dụng.

Dịch vụ thông tin di động đã có: thông tin di động hệ GSM với 17 trạm phủ sóng tại thành phố Biên Hòa, các khu công nghiệp, trung tâm các huyện, thị xã. Dịch vụ nhắn tin EMS, Internet... đã đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và là một trong những tiêu chí quan trọng thu hút vốn đầu tư, nhất là nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Nguồn cung cấp điện, đã và đang tập trung phát triển lưới điện phục vụ cho yêu cầu phát triển các ngành kinh tế và chương trình điện khí hóa nông thôn.

Trên địa bàn tỉnh có nhà máy thủy điện Trị An với tổng công suất 400MW, đã được hòa vào mạng lưới quốc gia thông qua các đường dây 220KV Trị An - Long Bình. Đường dây 220KV từ Đa Nhim về cũng hòa vào lưới điện tại trạm 220/110KV - Long Bình. Đường dây 220KV xuất tuyến từ trung tâm nhiệt điện Phú Mỹ cũng được kết nối tại trạm Long Bình [5]. Bên cạnh lưới điện quốc gia, tỉnh còn có công ti liên doanh Amata Power, tự phát điện để cung cấp cho khu công nghiệp Amata và các khu công nghiệp lân cận.

Hệ thống thủy lợi, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 116 công trình thủy lợi đang hoạt động với tổng năng lực phục vụ là 23.355ha, trong đó: lúa 19.756ha; hoa màu 819ha; cây công nghiệp và cây ăn trái 2780ha; nuôi trồng thủy sản 20ha; ngăn mặn, ngăn tiêu lũ 9075ha. Hiệu quả phục vụ của các công trình thủy lợi đạt khoảng 79%.

Các cơ sở cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 400 cơ sở cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, trong đó các cơ sở là đơn vị quốc doanh và HTX chỉ chiếm 3,5% tổng số cơ sở, còn lại 96,5% là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể, đặc biệt là mới xây dựng 8 trạm kinh doanh vật tư nông nghiệp của nhà nước phân bố trên địa bàn 5 huyện thị là Tân Phú, Long Khánh, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc và Vĩnh Cửu.

Hàng năm các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp nêu trên cung ứng khoảng 300.000 tấn phân bón và 2000 tấn thuốc trừ sâu theo giá thị trường thông qua các

hình thức: trả tiền mặt, trả chậm, thu qua sản phẩm sau khi thu hoạch. Tình trạng chênh lệch giá giữa khu vực vùng sâu, vùng xa với khu vực thị tứ, thị trấn đã được thu hẹp đáng kể, tạo động lực cho người sản xuất ở địa phương.

Trong chăn nuôi đã có nhiều hộ và trang trại sử dụng máy móc và hệ thống dây chuyền tự động như cho heo, bò, gà ăn bằng máy; sử dụng hệ thống thông gió làm mát bằng hơi nước, máy điều hòa nhiệt độ; máy ấp trứng và máy vắt sữa bò...

Cơ sở lưu trú và kinh doanh dịch vụ du lịch, trên địa bàn tỉnh có 537 cơ sở lưu trú du lịch (55 khách sạn và 482 nhà nghỉ) [1], trong đó, 16 khách sạn và nhà nghỉ được xếp hạng đạt tiêu chuẩn, gồm: 1 khách sạn 4 sao, 1 khách sạn 3 sao, 3 khách sạn 2 sao, 9 khách sạn 1 sao. Các cơ sở lưu trú và dịch vụ khác liên quan (cắt tóc, massage, karaoke, internet, khu thể thao, công viên, dịch vụ y tế, ẩm thực...) đảm bảo chất lượng khá tốt có thể đáp ứng nhu cầu của du khách, mặc dù số lượng vẫn còn hạn chế, nhất là ở các địa bàn xa khu đô thị.

Các đơn vị kinh doanh dịch vụ, vận chuyển du lịch mặc dù chưa có số liệu thống kê chính thức, nhưng có thể ước lượng khoảng trên 10 điểm ở thành phố Biên Hòa. Các doanh nghiệp này chủ yếu cho thuê xe chở khách, thỉnh thoảng cũng phục vụ khách du lịch. Một số doanh nghiệp đã chủ động đứng ra thành lập một hệ thống kinh doanh dịch vụ du lịch theo kiểu hộ gia đình.

Hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật đã và đang phát triển mạnh là nền

tảng cơ bản đảm bảo cho việc tổ chức lãnh thổ kinh tế trên toàn tỉnh. Tuy nhiên, không phải khu vực nào cũng thực hiện mà chỉ thuận lợi ở một số khu vực như thành phố Biên Hòa, vùng phụ cận TPHCM và thành phố Vũng Tàu.

2.2.5. Các trung tâm kinh tế và mạng lưới đô thị

Sự hình thành, phân bố và phát triển của các ngành kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với các trung tâm kinh tế và mạng lưới đô thị [7]. Biên Hòa vừa là thành phố cấp II trực thuộc tỉnh, vừa là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh. Do đó hơn bao giờ hết, đây chính là nơi có kết cấu hạ tầng kỹ thuật cao nhất trong toàn tỉnh, cả về giao thông vận tải, thông tin liên lạc lẫn cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho các ngành kinh tế. Ngoài ra, đây chính là địa bàn có nhu cầu tiêu thụ nhiều sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp nhiều hơn so với các địa phương khác trong tỉnh.

Hiện nay, nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp, đòi hỏi một lượng lao động khá lớn mà nhu cầu thực tế của địa phương không thể đáp ứng được. Do đó, nguồn lao động ngoài tỉnh vào làm việc tại các khu công nghiệp (KCN) là điều tất yếu. Việc này cũng chính là sự di dân, dịch chuyển nguồn lao động giữa các vùng với nhau. Những người lao động này tập trung gần các KCN để thuận lợi cho công việc, góp phần hình thành nên các khu dân cư mới xung quanh các KCN. Ngoài ra, còn có cả một lực lượng không nhỏ là các hộ dân cư phải di dời để xây dựng các KCN, công trình công cộng. Những

hộ dân này sẽ tập hợp lại trong vùng tái định cư và hình thành nên khu dân cư, khu đô thị. Bên cạnh đó còn có nguyên nhân khách quan khác, đó là các dịch vụ

kéo theo phục vụ người lao động. Sự phân bố dân cư tại các huyện, thị ở Đồng Nai năm 2010 như bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Các đô thị của tỉnh Đồng Nai năm 2010

Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Dân số năm 2010 (người)	Dân thành thị (người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)	Diện tích đất ở đô thị (ha)
Thành phố Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa	820.128	678.683	82,75	2.944,17
Thị xã Long Khánh	Thị xã Long Khánh	132.849	52.219	39,31	255,11
Huyện Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	158.529	21.935	13,84	99,42
Huyện Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	130.167	23.740	18,24	162,62
Huyện Định Quán	Thị trấn Định Quán	197.489	20.356	10,31	128,15
Huyện Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	257.980	20.540	7,96	157,92
Huyện Thống Nhất		151.654	0	0,00	0
Huyện Cẩm Mỹ		142.527	0	0,00	0
Huyện Long Thành	Thị trấn Long Thành	197.792	28.318	14,32	133,58
Huyện Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	212.153	13.103	6,18	79,37
Huyện Nhơn Trạch		168.174	0	0,00	0
Toàn tỉnh		2.569.442	858.894	33,43	3.960,36

Nguồn: Xử lý từ [1]), [5]

Năm 2010 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 8 đô thị, trong đó có 1 thành phố và 1 thị xã và 6 đô thị là huyện lỵ, chiếm 33,43% dân số của tỉnh. Đất ở đô thị có diện tích 3.960,36ha, chiếm 23,58% diện tích đất toàn tỉnh. Đây là diện tích đất ở

tập trung chủ yếu trên địa bàn 26 phường, xã thuộc thành phố Biên Hòa; 6 phường thuộc thị xã Long Khánh; 6 thị trấn thuộc các huyện Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Long Thành, Xuân Lộc và Vĩnh Cửu. Riêng 3 huyện Cẩm Mỹ, Thống

nhất và Nhơn Trạch chưa có diện tích đất ở đô thị. Các đô thị của tỉnh phân bố chủ yếu bám theo các trục giao thông như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51. Ngoại trừ thành phố Biên Hòa là đô thị có chức năng công nghiệp, có tỉ lệ đô thị hóa cao (đạt trên 82% gấp 2,5 lần so với mức trung bình của tỉnh). Nhìn chung, các đô thị còn lại của tỉnh chỉ là các huyện lỵ chưa có chức năng chuyên ngành cũng như đóng vai trò của các đô thị vệ tinh.

Như vậy, thành phố Biên Hòa là một cực động lực trong tam giác tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Biên Hòa đã trở thành một đô thị mang chức năng công nghiệp của tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

2.3. Các nhân tố tự nhiên

2.3.1. Đất đai

Tỉnh Đồng Nai có quỹ đất phong phú. Theo nguồn gốc và chất lượng đất có thể chia thành 3 nhóm như sau:

Các loại đất hình thành trên đá bazan: đất đá bọt, đất đen, đất đỏ có độ phì nhiêu cao, chiếm 39,1% diện tích tự nhiên (229.416 ha), phân bố ở phía Bắc và Đông Bắc của tỉnh. Các loại đất này thích hợp cho các cây công nghiệp dài ngày như: cao su, cà phê, tiêu... tạo điều kiện cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày.

Các loại đất hình thành trên phù sa cổ và trên đá phiến sét, như: đất xám, nâu xám, loang lổ và caolin chiếm 41,9% diện tích tự nhiên (246.380ha), phân bố ở phía Nam, Đông Nam của tỉnh (huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Biên Hòa, Long

Thành, Nhơn Trạch). Các loại đất này thường có độ phì nhiêu kém, thích hợp cho các loại cây ngắn ngày như đậu tương, ngô,..., một số cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày như cây điều. Ngoài ra, việc khai thác caolin phục vụ cho việc phát triển ngành công nghiệp gốm sứ được phân bố tập trung trong các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu.

Các loại đất hình thành trên phù sa mới là đất phù sa, đất cát, phân bố chủ yếu ven các sông Đồng Nai, La Ngà. Chất lượng đất tốt, thích hợp với nhiều loại cây trồng như cây lương thực, hoa màu, rau quả..., là điều kiện thuận lợi để hình thành các vùng chuyên canh cây lương thực, hoa màu, đặc biệt là các vùng trồng rau quanh thành phố Biên Hòa; không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu thụ của người dân Biên Hòa mà còn cho cả TPHCM.

2.3.2. Tài nguyên nước

Đồng Nai là một tỉnh có mạng lưới sông suối khá phong phú, lớn nhất là hệ thống sông Đồng Nai với sông chính dài 610km, đoạn chảy qua Đồng Nai dài 220km (tính đến ngã ba sông Lòng Tàu – Nhà Bè), lưu vực rộng 42.600km², trải dài từ cực Bắc huyện Tân Phú về đến cửa biển Xoài Rạp. Sông La Ngà là phụ lưu lớn của sông Đồng Nai, có một phần diện tích lưu vực nằm trên đất Đồng Nai đổ vào sông chính ở xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, cách cầu La Ngà 5km về phía thượng lưu. Đây là hệ thống sông dồi dào về nguồn nước và phong phú về cảnh đẹp. Ngoài ra, còn có các sông suối

khác như sông Lá Buông, sông Ray, suối Cà, suối Tam Bung...

Hệ thống hồ, thác và suối, có: hồ Trị An, Đa Tôn, Sông Mây; thác Mai, thác Trời, thác Giang Điền, thác Ba Giọt...; suối Mơ, suối Reo... Nguồn tài nguyên nước phong phú này là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nói chung và tổ chức lãnh thổ kinh tế theo ngành nói riêng, trong đó phải kể tới việc hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các vùng chuyên canh nông nghiệp và các tuyến du lịch sông nước.

Tuy nhiên, trong thời gian qua do nhiều nguyên nhân như: dân số tăng nhanh, chất thải chăn nuôi chưa qua xử lý đã xả trực tiếp vào môi trường, sử dụng bừa bãi thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp, khai thác không hợp lý nguồn nước, đặc biệt là tình trạng nước thải tại các khu công nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn đang làm nguồn nước ngày càng bị ô nhiễm. Do đó, để bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên nước, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên này, bảo đảm việc khai thác nguồn nước không vượt quá ngưỡng giới hạn, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước, đồng thời tiến hành tuyên truyền cả cộng đồng chung tay bảo vệ nguồn tài nguyên nước và các hệ sinh thái dưới nước.

2.3.3. Tài nguyên rừng

Rừng ở Đồng Nai mang đậm nét đặc trưng cơ bản của rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, có tài nguyên động thực vật phong phú đa dạng, giàu nguồn gen, nhiều hệ sinh thái, trong đó nổi bật là hệ

sinh thái rừng quốc gia Nam Cát Tiên. Các loài động thực vật quý hiếm ở Đồng Nai chiếm tỉ lệ cao trong số nguồn động, thực vật quý hiếm của quốc gia. Vườn quốc gia Nam Cát Tiên có 636 loài thực vật và 592 loài động vật. Ngoài ra còn có nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, trắc, gỗ đỏ, trai, giáng hương; nhiều loại thú quý hiếm như bò tót, voi, công xanh, trĩ, sao, tê giác, cá sấu... Không chỉ có giá trị kinh tế, tài nguyên rừng còn đem lại nguồn dược liệu quý hiếm cho y học. Các khu rừng cảnh quan như rừng ven hồ Trị An, rừng thác Mai... có nhiều tiềm năng về du lịch sinh thái, là điều kiện quan trọng để hình thành tuyến du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu ở khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai.

Có thể thấy, tài nguyên rừng là món quà vô giá mà thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho Đồng Nai. Sự đa dạng về sinh vật đã mang lại nhiều lợi ích cho đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, việc khai thác rừng quá mức sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường. Nếu làm tổn hại đến rừng, làm suy giảm tính đa dạng thì không chỉ làm mất nguồn tài nguyên động thực vật mà còn gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống của con người. Việc triển khai thực hiện chương trình trồng và quy hoạch rừng để tăng tỉ lệ che phủ (bao gồm cả cây công nghiệp dài ngày) là yêu cầu thực sự cần thiết và cấp bách hiện nay.

2.3.4. Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản ở Đồng Nai tương đối phong phú về chủng loại, trong đó vật

liệu xây dựng là loại tài nguyên có tiềm năng nhất:

- Đá xây dựng được phân bố ở nhiều nơi, với 37 mỏ lớn, nhỏ khác nhau. Loại đá này có nguồn gốc xâm nhập và trầm tích phun trào. Đá xây dựng có nguồn gốc xâm nhập liên quan đến các thành tạo thuộc phức hệ Định Quán. Trừ các đới đập vỡ, các đá thường có cấu tạo khối, kiến trúc hạt vừa đến lớn, độ nguyên khối trên 1m^3 , độ kháng nén cao, độ mài mòn lớn. Liên quan với phức hệ Định Quán có các mỏ đá xây dựng Phú An (Tân Phú), Định Quán, Xuân Lộc. Ở những khu vực này, đá có màu sắc đẹp nên có thể dùng làm đá ốp lát.

- Cuội sỏi tập trung trong các trầm tích đệ tứ, chủ yếu trong hệ tầng Trảng Bom được tìm thấy ở khu vực Biên Hòa - Trảng Bom - Long Thành. Chúng nằm dưới lớp phủ 3 - 5m, bề dày trung bình là 1 mét. Cuội thường chiếm 40 - 45% trong tập hợp cuội, sỏi, cát, sét. Thành phần cuội hầu hết là thạch anh màu trắng đục, kích thước cuội từ 0,3 đến 1,5cm và chiếm ưu thế là 0,3 đến 0,7cm. Cuội sỏi có thể được sử dụng để đúc bê tông, vật liệu trang trí ốp lát, làm đá rửa, lọc nước...

- Cát xây dựng được phân bố dọc theo sông Đồng Nai. Cát tập trung thành 21 bãi lớn nhỏ khác nhau trên chiều dài 30km từ Tân Uyên đến Cát Lái. Tuy nhiên trữ lượng và chất lượng cát, ý nghĩa sử dụng của chúng tại các đoạn sông khác nhau cũng khác nhau. Đoạn Tân Bình - Bình Hòa, cát có thành phần thạch anh hạt trung - thô là chủ yếu, màu vàng, thích hợp cho việc xây và đúc bê

tông. Đoạn dưới cầu Đồng Nai đến Long Hưng chủ yếu là cát trung - mịn dùng để xây và tô trát. Cát còn phân bố dọc theo sông La Ngà và sông suối nhỏ bắt nguồn từ những khu vực phát triển các đá xâm nhập và trầm tích Jura ở Xuân Tân, Xuân Hải, Xuân Trường (Xuân Lộc), Phú An, Phú Bình (Tân Phú), đây cũng là nguồn trữ lượng cát đáng kể phục vụ cho ngành xây dựng.

Nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh là hữu hạn, do vậy cần lập quy hoạch khu vực khai thác và khu vực cấm khai thác. Nhất là khu vực ven sông Đồng Nai, nơi này dễ gây sạt lở nghiêm trọng. Trên cơ sở phối hợp với các địa phương khác như TPHCM, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu để khai thác các nguồn tài nguyên cùng loại sao cho hợp lý và tiết kiệm.

2.3.5. Địa hình

Đồng Nai là nơi có địa hình chuyển tiếp giữa vùng đất thấp của đồng bằng sông Cửu Long đến vùng cao nguyên Bảo Lộc (Lâm Đồng). Địa hình khá đa dạng, gồm vùng đồi núi thấp, vùng đồi lượn sóng, vùng đồng bằng và vùng trũng có rừng ngập mặn. Dạng địa hình thấp và khá bằng phẳng là chủ yếu, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế nói chung và tổ chức lãnh thổ kinh tế theo ngành nói riêng (như vùng chuyên canh, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tuyến du lịch). Sự phong phú và đa dạng về địa hình là điều kiện thuận lợi về tự nhiên để phát triển các loại hình du lịch, thể hiện qua việc một số lượng lớn núi, đồi, thác, đảo, cù lao phân bố trên địa bàn tỉnh mà trong đó có nhiều điểm du lịch thú vị.

2.3.6. Khí hậu

Khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 25,4⁰ C đến 27,2⁰C; độ ẩm không khí trung bình hàng năm là 83,5%; lượng mưa trung bình là 1800mm/năm [1] nhưng phân phối không đều, tập trung chủ yếu vào mùa mưa. Khí hậu Đồng Nai mang nét đặc trưng của khí hậu miền Đông Nam Bộ, có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 11, mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đây là khu vực ít có lốc xoáy hay bão, độ tích nhiệt cao và ổn định nên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt văn hóa và du lịch.

3. Kết luận

Tóm lại, các nhân tố tự nhiên đóng vai trò quan trọng, tạo tiền đề cho việc

phát triển một số hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ như: trang trại, vùng chuyên môn hóa cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc, gia cầm; khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, các điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị, hành lang kinh tế và các tiểu vùng kinh tế ở địa phương nghiên cứu. Các nhân tố kinh tế xã hội như: Quy mô dân số đông, nguồn lao động dồi dào và chất lượng lao động từng bước được cải thiện, cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng – kỹ thuật không ngừng được nâng cấp cùng với sự điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế của tỉnh cho phù hợp với từng thời kì (trên cơ sở những chính sách chung của cả nước), đã trở thành nhân tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của một số hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế ở tỉnh Đồng Nai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê Đồng Nai (2011), *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai 2010*, Nxb Thống kê, Đồng Nai.
2. Đặng Văn Phan, Nguyễn Kim Hồng (2002), *Tổ chức lãnh thổ*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.
3. Đặng Văn Phan, Nguyễn Kim Hồng (2006), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kì hội nhập*, Nxb Giáo dục.
4. Lê Bá Thảo (1996), *Cơ sở khoa học của tổ chức lãnh thổ Việt Nam*, Đề tài độc lập và trọng điểm cấp Nhà nước, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Hà Nội.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai thời kì 2006 – 2020*, Biên Hòa, Đồng Nai.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2011), *Quyết định phê duyệt chương trình tổng thể đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2015, số 2361/QĐ - UBND*.
7. Ngô Doãn Vịnh (2006), *Tổ chức lãnh thổ kinh tế xã hội, một số vấn đề lí luận và ứng dụng*, Viện Chiến lược và Phát triển, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-3-2012; ngày phản biện đánh giá: 15-5-2012; ngày chấp nhận đăng: 08-8-2012)